

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thế nào là trường từ vựng, biết xác lập các trường từ vựng đơn giản.

– Bước đầu hiểu được mối liên quan giữa trường từ vựng với các hiện tượng ngôn ngữ đã học như đồng nghĩa, trái nghĩa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá,... giúp ích cho việc học văn và làm văn.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Bài học này không có trong chương trình Ngữ văn THCS trước đây. Đưa bài học này vào chương trình, những người biên soạn chương trình có ý định cung cấp cho HS một kiến thức, một khái niệm mới trong ngôn ngữ học hiện đại : khái niệm "trường từ vựng".

Trước hết là vấn đề thuật ngữ. Ở nước ta hiện nay có ba thuật ngữ : *trường từ vựng – ngữ nghĩa, trường nghĩa, trường từ vựng* cùng chỉ chung một khái niệm. Thuật ngữ đầu diễn đạt tốt nhất khái niệm, nhưng hơi dài. Cũng có thể dùng thuật ngữ *trường nghĩa* nhưng ở nước ngoài hiện nay còn có một số người chủ trương phân biệt trường nghĩa với trường từ vựng. Theo họ thì trường nghĩa là tập hợp tất cả các nghĩa của một từ. Còn hiện tượng được nói đến trong bài học này thì họ gọi là "trường từ vựng". Cần nhắc nhiều lần, ở đây chúng tôi dùng thuật ngữ *trường từ vựng*.

2. Cơ sở của trường từ vựng là tính hệ thống của từ vựng về mặt ngữ nghĩa. Từ vựng là một hệ thống bao gồm nhiều tiểu hệ thống. Một tiểu hệ thống lại chia thành nhiều hệ thống nhỏ hơn. Mỗi tiểu hệ thống, mỗi hệ thống nhỏ trong một tiểu hệ thống đều làm thành một trường từ vựng. Giáo sư Đỗ Hữu Châu trong cuốn *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt* đã cho chúng ta rất nhiều ví dụ về các trường từ vựng.

Trường từ vựng "người" bao gồm các trường nhỏ : người nói chung, bộ phận của người, hoạt động của người, tính chất con người, trạng thái con người. Mỗi trường từ vựng trên đây lại bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn. Ví dụ, trường "hoạt động của con người" bao gồm các trường nhỏ như :

a) Hoạt động trí tuệ : *nghĩ, suy, suy nghĩ, ngẫm, nghiền ngẫm, phán đoán, phân tích, tổng hợp, kết luận,...*

b) Hoạt động của các giác quan để cảm giác : *nhìn, trông, thấy, ngó, ... ngửi, nếm, nghe, sờ,...*

c) Hoạt động của con người tác động đến đối tượng :

– Hoạt động của tay : *túm, nắm, xé, ... cắt, chặt,...*

– Hoạt động của đầu : *húc, đội,...*

– Hoạt động của chân : *đá, đạp, xéo, giẫm,...*

d) Hoạt động dời chỗ : *đi, chạy, nhảy, trườn, di chuyển, vận chuyển,...*

e) Hoạt động thay đổi tư thế : *đứng, ngồi, cúi, lom khom, ngoẹo, ngửa, nghiêng,...*

Từ các ví dụ, có thể thấy rằng các từ trong một trường đều có một nét chung về nghĩa. Vì vậy có thể định nghĩa : *Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.*

3. Khi học bài này, có thể có HS không hiểu sự khác nhau về nội dung vấn đề của bài này so với bài thứ nhất đã học. Vấn đề ở bài trước là xem xét cấp độ khái quát của nghĩa từ (từ nghĩa rộng, từ nghĩa hẹp). Còn vấn đề ở bài này là tập hợp các từ có chung một nét nghĩa vào một trường từ vựng. Trong một trường từ vựng có những từ có thể so sánh về mức độ rộng hẹp của nghĩa từ. Chẳng hạn, trong trường từ vựng "người", *giáo viên* có nghĩa rộng hơn các từ *thầy giáo, cô giáo*. Nhưng có những từ trong cùng một trường từ vựng mà không thể so sánh mức độ rộng hẹp về nghĩa của chúng. Thật vậy, làm sao có thể so sánh mức độ rộng hẹp về nghĩa giữa từ *mất* với các từ *đi, chạy, nhảy* mặc dù chúng đều thuộc trường từ vựng "người".

4. Khái niệm "trường từ vựng" có liên quan đến hiện tượng đồng nghĩa, trái nghĩa, đến các biện pháp tu từ từ vựng như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá. Nhưng với một tiết học cho HS lớp 8, chúng ta không có điều kiện để nói kĩ, nói sâu về vấn đề này mà chỉ đưa ra một vài gợi ý như đã làm trong SGK.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm.

Cho HS đọc đoạn văn của Nguyễn Hồng, nhận xét về các từ in đậm, gợi dẫn để HS trả lời câu hỏi. Các từ được in đậm đều có một nét chung về nghĩa : chỉ bộ phận của cơ thể con người.

Từ nhận xét trên, GV hướng dẫn HS hình thành khái niệm về trường từ vựng. Cần chú ý nhấn mạnh : cơ sở để hình thành trường là đặc điểm chung về nghĩa. Không có đặc điểm chung về nghĩa thì không có trường.

Sau khi giúp HS hình thành khái niệm về trường từ vựng, để củng cố và cũng là để kiểm tra kiến thức của HS, GV có thể cho HS tìm các từ của một vài trường từ vựng như trường "dụng cụ nấu nướng", trường "chỉ số lượng",...

Hoạt động 2. Lưu ý HS một số điểm.

Mấy điều lưu ý này giúp HS đi sâu hiểu thêm một số khía cạnh khác về trường từ vựng. Điểm (a) giúp HS thấy được tính hệ thống của trường ; điểm (b)

lưu ý HS một đặc điểm ngữ pháp của các từ cùng trường ; điểm (c) lưu ý HS tính phức tạp của vấn đề : một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau do hiện tượng nhiều nghĩa ; điểm (d) lưu ý về mối quan hệ giữa trường từ vựng với các biện pháp tu từ từ vựng.

Cuối cùng, GV cho HS tổng kết, tóm tắt lại bốn điểm cần lưu ý.

Hoạt động 3. Hướng dẫn làm bài tập.

Tuỳ theo điều kiện thời gian, các bài tập 1, 2, 4, 5*, 6 làm ở lớp ; các bài 3 và 7 có thể làm ở nhà.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 2.

a) *lưới, nơm, câu, vó* : dụng cụ đánh bắt thủy sản.

b) *tủ, rương, hòm, va-li, chai, lọ* : dụng cụ để đựng.

c) *đá, đập, giẫm, xéo* : hoạt động của chân.

d) *buồn, vui, phấn khởi, sợ hãi* : trạng thái tâm lí.

e) *hiền lành, độc ác, cởi mở* : tính cách.

g) *bút máy, bút bi, phấn, bút chì* : dụng cụ để viết.

Bài tập 3. Các từ in đậm thuộc trường từ vựng "thái độ".

Bài tập 4.

– Khứu giác : *mũi, thơm, điếc, thính.*

– Thính giác : *tai, nghe, điếc, rõ, thính.*

Bài tập 5*. *Lưới, lạnh* và *tấn công* đều là những từ nhiều nghĩa, căn cứ vào các nghĩa của từ để xác định mỗi từ có thể thuộc những trường từ vựng nào (có thể tham khảo từ điển để giải bài tập này).

Bài tập 6. Tác giả đã chuyển những từ in đậm từ trường "quân sự" sang trường "nông nghiệp".

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Hữu Châu :

– *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1981.

– *Trường từ vựng – ngữ nghĩa và việc dùng từ ngữ trong các tác phẩm nghệ thuật*, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 4, 1970.